

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2023/KDTM-ST**
Ngày 24 tháng 4 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Bà **Lương Thị Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa.

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 170/2022/TLST - KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐST- KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HPT ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng A**. Giấy phép hoạt động số 005HNH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp tại Hà Nội. Địa chỉ trụ sở chính: quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng A**. Địa chỉ trụ sở chính: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng Giám đốc theo Hợp đồng ủy quyền số 154/UQ ngày 18/03/2021). Người đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thanh N - Chức vụ: Phó phòng THN Tổ tụng Công ty theo Văn bản ủy quyền số 27/UQ ngày 10/01/2022). Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Đỗ Thị T theo Văn bản ủy quyền số 5816/UQ ngày 09/12/2022. Bà T có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: **Công ty B**. MSDN: 01055xxxx do Sở kế hoạch và Đầu tư thành

phố Hà Nội cấp. Trụ sở: quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Trịnh Việt Q – Tổng giám đốc. Ông Q có đơn xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Tổng Công ty T.** Địa chỉ: quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tấn C. Có đơn xin vắng mặt.

2. **Công ty CP X.** Địa chỉ: huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Ngọc H. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Công ty S.** Địa chỉ: thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T. Có đơn xin vắng mặt.

4. **Công ty Cổ phần H.** Địa chỉ: quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn T. Có đơn xin vắng mặt.

5. **Công ty K.** Địa chỉ: tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quang S. Có đơn xin vắng mặt.

6. **Công ty Cổ phần D.** Địa chỉ: quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn T. Có đơn xin vắng mặt.

7. **Tổng Công ty Đầu tư Phát triển N.** Địa chỉ: quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoài Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nghiêm Thị T theo Giấy ủy quyền số 229/UQ ngày 02/02/2023. Có đơn xin vắng mặt.

8. Ông **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1966 và bà **Vũ Thị Thúy T**, sinh năm 1977 (vợ của ông Nguyễn Hồng Q). HKTT: quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bà Trình vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền là bà Đỗ Thị T trình bày:*

Ngân hàng A - Chi nhánh T và Công ty B đã cùng ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017. Sau khi ký hợp đồng tín dụng A đã giải ngân cho B số tiền 10.700.000.000 đồng thông qua các khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số: LD1732630200; Số tiền vay: 700.000.000 đồng; ngày giải ngân 22/11/2017; lãi suất: 9%/năm;

- Khế ước nhận nợ số: LD1733906750; Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; ngày giải ngân 05/12/2017; lãi suất: 9,3 %/năm;

- Khế ước nhận nợ số: LD1736138386; Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng; ngày giải ngân 27/12/2017; lãi suất: 9,3 %/năm;

- Khế ước nhận nợ số: LD1804333739; Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng; ngày giải ngân 12/02/2018; lãi suất: 9 %/năm;

- Khế ước nhận nợ số: LD1807508259; Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng; ngày giải ngân 17/03/2018; lãi suất: 9 %/năm;

Ngày 01/02/2018 Ngân hàng A đã cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 063MD180300711 và bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 063MD180300712 cho B để thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty T với số tiền bảo lãnh tương ứng là 619.999.345 đồng và 1.690.907.304 đồng. Ngày 22/4/2019, A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo lãnh số tiền 2.195.361.317 đồng cho Tổng Công ty T theo đề nghị của B.

Như vậy, tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho B là: 12.895.361.317 đồng.

Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 540078; số vào sổ cấp GCN: CH00152 cho ông Nguyễn Hồng Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2761/2017/HĐTC; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng Công chứng chứng nhận ngày 16/11/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL ngày 21/01/2018 giữa Tổng Công ty T và Liên danh Công ty B và Công ty CP X.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+BĐ giữa Công ty S và Liên danh Công ty Cổ phần H và Công ty B.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho A. Vì vậy, Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu Bên vay trả nợ cho Ngân hàng A xử lý theo đúng quy định nhưng Bên vay đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. AAMC đã gửi thông báo khởi kiện đến khách hàng và các bên liên quan theo đúng quy định.

Ngày 20/4/2023, Ngân hàng xin rút phần yêu cầu xử lý tài sản đối với tài sản bảo đảm sau:

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL ngày 21/01/2018 giữa Tổng Công ty T và Liên danh Công ty B và Công ty CP X.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL giữa Công ty S và Liên danh Công ty Cổ phần H và Công ty B.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014.

Tạm tính đến ngày 24/4/2023, dư nợ của B tại Ngân hàng A là 17.344.411.069 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 321.782.347 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.760.892.011 đồng;

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán là: 148.592.392 đồng.

Nay Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc B phải thanh toán cho A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; Tính đến ngày 24/4/2023, B còn nợ A số tiền là: 17.344.411.069 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 321.782.347 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.760.892.011 đồng;

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày B thực tế thanh toán hết nợ cho A.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 540078; số vào sổ cấp GCN: CH00152 cho ông Nguyễn Hồng Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2761/2017/HĐTC; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng Công chứng A18 chứng nhận ngày 16/11/2017.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty B đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty B vẫn phải thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

*** Bị đơn: Công ty B. Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Việt Q trình bày:**

Thay mặt công ty, ông xác nhận Công ty B và Ngân hàng A - Chi nhánh T có ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các Khế ước nhận nợ LD1732630200 ngày 22/11/2017; Khế ước nhận nợ số LD1733906750 ngày 05/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD1736138386 ngày 27/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD 1804333739 ngày 12/02/2018 và Khế ước nhận nợ số LD1807508259 ngày 17/3/2018. Tổng số tiền giải ngân là 10.700.000 đồng.

Ngày 01/02/201, Ngân hàng A đã cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 063MD180300711 và bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 063MD180300712 cho B để thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Tổng Công ty T với số tiền bảo lãnh tương ứng là 619.999.345 đồng và 1.690.907.304 đồng. Ngày 22/4/2019, A đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo lãnh số tiền 2.195.361.317 đồng cho Tổng Công ty T theo đề nghị của B. B cũng xác nhận nợ A với số tiền 2.195.361.317 đồng

Tài sản để bảo đảm cho khoản vay là:

- Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 540078; số vào sổ cấp GCN: CH00152 cho ông Nguyễn Hồng Q. Tài sản được bảo đảm cho khoản vay của công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2761/2017/HĐTC; quyền số 01-TP/CC-SCCHĐGD do Công chứng viên Văn phòng Công chứng chứng nhận ngày 16/11/2017.

- Toàn bộ khoản nợ khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL/EVNCP-ĐHT ngày 21/01/2018 giữa Tổng Công ty T và Liên danh Công ty B và Công ty CP X.

- Toàn bộ khoản nợ khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+BĐ giữa Công ty S và Liên danh Công ty Cổ phần H và Công ty B.

- Toàn bộ khoản nợ khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017.

- Toàn bộ khoản nợ khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017.

- Toàn bộ khoản nợ khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng cụ thể như sau:

Tạm tính đến ngày 06/12/2022, dư nợ của Công ty B tại Ngân hàng A là 16.930.100.961 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi: 6.668.364.250 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng A các khoản nợ theo các Hợp đồng cho vay đã ký, các khế ước nhận nợ đã ký với số tiền tạm tính đến hết ngày 06/12/2022 là 16.930.100.961 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi: 6.668.364.250 đồng và tiền lãi, phí phát

sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 07/12/2022 cho đến khi Công ty B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng A. Ông có ý kiến như sau:

Ông xác nhận Công ty B còn nợ Ngân hàng A tạm tính đến ngày 06/12/2022 là 16.930.100.961 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi: 6.668.364.250 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 07/12/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các Khế ước nhận nợ kèm theo. Ông xác nhận đây là khoản vay của Công ty B. Tuy nhiên, do hiện nay tình hình dịch bệnh kéo dài, công ty cũng đang tạm ngừng hoạt động và cũng không đưa ra được phương án trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ông đề nghị ngân hàng cho B có thời gian để thu xếp kinh tế trả nợ toàn bộ gốc cho ngân hàng và xin miễn giảm toàn bộ lãi.

Đối với Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL/EVNCPC-BĐ-HT ngày 21/01/2018, Công ty B liên danh hợp tác với Công ty CP X và Tổng Công ty T là chủ đầu tư đã dừng thi công, chủ đầu tư đã thu bảo lãnh;

Đối với các Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+BĐ; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017; Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014. Hiện nay, các hợp này đã được thanh toán xong cho B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hồng Q** trình bày:

Ông xác nhận ông và Ngân hàng A có ký Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2754.12.063.853318.BD số công chứng số 2761/2017/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2017 là để đảm bảo cho khoản vay của công ty B tại Ngân hàng A.

Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 540078; sổ vào sổ cấp GCN: CH00152.

Lý do ông ký hợp đồng thế chấp là do tại thời điểm đó ông có làm ăn cùng ông Trịnh Việt Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty B và khi ký hợp đồng thế chấp ông cũng không nhận được bất cứ khoản tiền nào từ ông Trịnh Việt Q. Ông Trịnh Việt Q có nói với ông mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông Quân vay tiền ngân hàng. Từ khi thế chấp đến nay, ông không sửa chữa cải tạo đối với tài sản thế chấp, ông chỉ sơn tường lại cho mới. Ông không có yêu cầu hay đề nghị đối với số tiền bỏ ra để sơn tường.

Theo như hộ khẩu tại địa chỉ Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội có ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1966; bà Vũ Thị Thúy T, sinh năm 1977; chị Nguyễn Việt Phương, sinh năm 1991; anh Nguyễn Tiến Thành, sinh năm 2001 và anh Nguyễn Tiến Đạt, sinh năm 2001. Tuy nhiên hiện nay gia đình ông không sinh sống tại địa chỉ trên và đi thuê nhà tại địa chỉ Phòng 2401 ĐN1 T1, Thăng Long Victory khu đô thị Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông có ý kiến như sau: Ông nhận thấy đây là khoản vay của B vì vậy B phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ông đã được Tòa án giải thích về yêu cầu độc lập, ông đã hiểu và không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty B thanh toán cho A tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2023 số tiền là: 17.344.411.069 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 321.782.347 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.760.892.011 đồng và lãi phát sinh được thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín

dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các Khế ước nhận nợ LD1732630200 ngày 22/11/2017; Khế ước nhận nợ số LD1733906750 ngày 05/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD1736138386 ngày 27/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD 1804333739 ngày 12/02/2018 và Khế ước nhận nợ số LD1807508259 ngày 17/3/2018 cho đến khi B trả hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2754.12.063.853318.BD số công chứng số 2761/2017/HĐTC, quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2017 là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của A đối yêu cầu xử lý tài sản đối với tài sản bảo đảm sau:

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL/EVNCP-ĐHT ngày 21/01/2018 giữa Tổng Công ty T và Liên danh Công ty B và Công ty CP X.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+Đ giữa Công ty S và Liên danh Công ty Cổ phần H và Công ty B.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017.

- Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán là: 148.592.392 đồng.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu một phần án phí đối với số tiền lãi phạt trên lãi quá hạn không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo

theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo các Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 được ký giữa A với B, mục đích vay: Thanh toán tiền hàng cho Công ty CP Đầu tư TC Toàn cầu theo HĐKT số 116/2017/HĐKT/BĐ-TC ngày 22/12/2017 để thực hiện thi công gói thầu Thi công xây dựng công trình (mã số SPC-DPL3-NET-PQ-W) thuộc dự án Cải tạo nâng cấp và phát triển lưới điện trung hạ thế huyện đảo Phú Quý; Thanh toán tạm ứng tiền Công ty CP Sản xuất thương mại và XLĐACG theo HĐKT số 65/2017/HĐKT/BĐ-ACG ngày 13/11/2017 để thực hiện thi công gói thầu Gói 10 – Thi công xây lắp thuộc công trình Phân pha dây dẫn ĐD 110KV 2 mạch 178&179 Bình Hòa -171&173 Tân Đông Hiệp. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

B có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do B không thanh toán được khoản nợ cho A khi đến hạn trả nợ. Do vậy, A đã khởi kiện B đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc B phải thanh toán trả A toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[2] Về nội dung: Căn cứ các Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2754.12.063.853318.BĐ số công chứng số 2761/2017/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 33525.16.063.853318.BĐ ngày 18/6/2016; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 14262.17.063.853318.BĐ ngày 23/10/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 195448.17.063.853318.BĐ ngày 05/12/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 6557.17.063.853318.BĐ ngày 08/3/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số 45966.16.063.853318.BĐ ngày 05/8/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ hình thành từ phương án tài trợ số

27096.18.063.853318.BĐ ngày 01/02/2018 A đã giải ngân cho B tổng số tiền là: 10.700.000.000 đồng thông qua các Khế ước nhận nợ LD1732630200 ngày 22/11/2017; Khế ước nhận nợ số LD1733906750 ngày 05/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD1736138386 ngày 27/12/2017; Khế ước nhận nợ số LD 1804333739 ngày 12/02/2018 và Khế ước nhận nợ số LD1807508259 ngày 17/3/2018. Đồng thời giải ngân số tiền 2.195.361.317 đồng cho Tổng Công ty T theo đề nghị của B.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, B đã trả cho A số tiền cụ thể: Nợ gốc: 2.633.624.606 đồng; Nợ lãi trong hạn: 442.756.557 đồng; Nợ lãi quá hạn: 676.703. Tổng cộng: 3.077.057.866 đồng. B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy, A đã chuyển toàn bộ nợ của B sang nợ quá hạn theo quy định. Và từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay B không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho A.

Tại phiên tòa Ngân hàng A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với xử lý các tài sản đảm bảo là: Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL/EVNCP-BĐ-HT ngày 21/01/2018; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+BĐ; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017; Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014 và xin rút đối với số tiền lãi chậm thanh toán là: 148.592.392 đồng là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, A và B xác nhận B còn nợ A số tiền tạm tính đến ngày 24/4/2023 là: 17.344.411.069 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 321.782.347 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.760.892.011 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo, B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 22/8/2018 nên theo quy định của Hợp đồng tín dụng quy định về nghĩa vụ thanh toán, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ

quá hạn:

Nay A khởi kiện buộc B phải thanh toán cho A số tiền còn nợ tính đến ngày 24/4/2023 là: 17.344.411.069 đồng, trong đó: Nợ gốc: 10.261.736.711 đồng; Nợ lãi trong hạn: 321.782.347 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.760.892.011 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn và cách tính lãi trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, phù hợp với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận. Do đó, việc A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả A số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của A: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho A nợ gốc và nợ lãi thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2754.12.063.853318.BD số công chứng số 2761/2017/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/11/2017 giữa A và ông Nguyễn Hồng Q, bà Vũ Thị Thúy T đã được Văn phòng Công chứng A18 chứng nhận ngày 16/11/2017. Ông Quân, bà Trình đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là: Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 540078; số vào sổ cấp GCN: CH00152 đứng tên ông Nguyễn Hồng Q để đảm bảo cho khoản vay của B, cụ thể:

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ bảo đảm:

“Nghĩa vụ được bảo đảm theo Hợp đồng này là nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng, bao gồm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ gốc, nợ lãi, các chi phí, phí, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác (nếu có) theo các thỏa thuận về việc cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, phát hành thư tín dụng, cấp thẻ tín dụng, các hình thức cấp tín dụng khác và các phụ lục, văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung ký kết giữa Bên được cấp tín dụng với tất cả các Đơn vị thuộc mạng lưới hoạt động của Ngân hàng A (sau đây gọi là “Hợp đồng cấp tín dụng”), cụ thể: Hợp đồng cấp tín dụng số: 14261.17.063.853318.TD ngày: 28/7/2017

Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong khoảng thời gian từ ngày ký hợp đồng này đến 31/12/2067 (bao gồm mọi nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của các

Hợp đồng cấp tín dụng được phát sinh trong và sau khoảng thời gian này).

Các Hợp đồng cấp tín dụng được xác lập trước và sau thời điểm ký Hợp đồng này. Các nội dung chi tiết về việc cấp tín dụng (giá trị, thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán, trả nợ, và các thỏa thuận cấp tín dụng cụ thể khác), bao gồm cả các Hợp đồng cấp tín dụng ký kết trong tương lai A và Bên được cấp tín dụng quyết định và được quy định cụ thể trong (các) Hợp đồng cấp tín dụng và các văn bản liên quan”.

Như vậy, xác định tài sản nêu trên bảo đảm cho khoản vay của B tại A. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được ông Quân, bà Trình đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/11/2017 và được Văn phòng đăng ký đất đai quận Thanh Xuân xác nhận thể chấp ngày 17/11/2017. Việc ông Quân ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Ông Quân dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của B theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của A đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463; Điều 466; Điều 468 Điều 470; Điều 295; Điều 298; Điều 318; Điều 319; Điều

321; Điều 323; Điều 325 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai 2003; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Xác nhận Công ty B còn nợ Ngân hàng A theo Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo số tiền tạm tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là: **17.344.411.069** (*Mười bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm mười một nghìn, không trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó: Nợ gốc: **10.261.736.711** (*Mười tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm mười một*) đồng; Nợ lãi trong hạn: **321.782.347** (*Ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy*) đồng; Nợ lãi quá hạn: **6.760.892.011** (*Sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, không trăm mười một*) đồng.

- Buộc Công ty B phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2023 là: **17.344.411.069** (*Mười bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm mười một nghìn, không trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó: Nợ gốc: **10.261.736.711** (*Mười tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm mười một*) đồng; Nợ lãi trong hạn: **321.782.347** (*Ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bảy*) đồng; Nợ lãi quá hạn: **6.760.892.011** (*Sáu tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, không trăm mười một*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 14261.17.063.853318.TD ngày 28/07/2017 và các khế ước nhận nợ kèm theo hai bên đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn cho vay.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với xử lý các tài sản đảm bảo là: Toàn bộ khoản nợ/khoản thanh toán đã hình thành, hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây lắp số 06-18HĐXL/EVNCPC-BĐ-HT ngày 21/01/2018; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 10/2016/HĐXL/DEP3/PCST-LDHT+BĐ; Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 14/HĐKT ngày 06/09/2017; Hợp đồng kinh tế về giao nhận thầu xây lắp số: 18/HĐKT ngày 30/10/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 108/2017/HĐ-XL ngày 21/02/2017; Hợp đồng thi công xây dựng số: 200/2014/HĐXD - PCBK - P2 ngày 26/08/2014 do Ngân hàng Arút yêu cầu.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán là: **148.592.392** (*Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm chín mươi hai*) đồng.

3. Trường hợp Công ty B không trả được nợ, Ngân hàng Acó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ tại địa chỉ: Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 540078; số vào sổ cấp GCN: CH00152 cho ông Nguyễn Hồng Q theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 2761/2017/HĐTC; quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD do Công chứng viên Văn phòng Công chứng A18 chứng nhận ngày 16/11/2017.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng A phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng A số tiền còn thiếu.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu **125.344.411** (*Một trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm mười một*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **62.500.000** (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0002821 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi

hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2023. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung